

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2009/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quy trình, thủ tục
cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh; Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Công an hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 116/SKHĐT ngày 13/02/2009 về việc đề nghị ban hành quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 08/2007/QĐ-UBND ngày 14/3/2007 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Công an tỉnh; Cục trưởng Cục thuế, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40/2009/QĐ-UBND
ngày 18/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng: Các Nhà đầu tư có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo qui định của Luật đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư.

2. Phạm vi áp dụng: Các dự án đầu tư theo qui định của Luật Đầu tư, được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (trừ phạm vi Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh).

Điều 2. Cơ quan đầu mối và các đơn vị phối hợp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký đầu tư, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư, chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan để xử lý về mặt thủ tục, trình cấp có thẩm quyền quyết định đối với các dự án đầu tư theo qui định của pháp luật về đầu tư và theo qui định này;

b) Giao Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký thuế (trong trường hợp đăng ký đầu tư đồng thời với đăng ký kinh doanh) cho doanh nghiệp, hoặc trả lời cho doanh nghiệp bằng văn bản trong trường hợp không được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Cục Thuế tỉnh: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong công tác cấp mã số thuế, cấp chứng nhận đăng ký thuế cho các doanh nghiệp thành lập mới đồng thời với đăng ký đầu tư.

3. Các Sở quản lý chuyên ngành kinh tế kỹ thuật, các tổ chức chuyên môn, UBND các cấp (huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn) có liên quan là đơn vị phối hợp, chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề thuộc chức năng và thẩm quyền quản lý nhà nước về chuyên môn hoặc địa bàn quản lý xuất phát từ yêu cầu của các Dự án đầu tư theo Qui định này.

4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản đăng ký đầu tư, hồ sơ dự án đầu tư và tính hợp pháp của các văn bản trong hồ sơ dự án đầu tư.

Điều 3. Tính ưu tiên trong việc xử lý hồ sơ dự án đầu tư

Hồ sơ hợp lệ của các Dự án đầu tư theo qui định này được ưu tiên xử lý về mặt thời gian so với các nhiệm vụ thông thường khác cùng thời điểm của các đơn vị liên quan, để đảm bảo xử lý đúng thời hạn các thủ tục, hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Chương II**HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ****Điều 4. Đối với dự án đầu tư trong nước, có qui mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện**

Nhà đầu tư không phải lập hồ sơ đăng ký đầu tư. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc xác nhận ưu đãi đầu tư thì lập hồ sơ đăng ký đầu tư theo Điều 5 Qui định này.

Điều 5. Đối với dự án đầu tư trong nước, có qui mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Nhà đầu tư phải lập Bản đăng ký đầu tư theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 (sau đây gọi tắt là theo mẫu qui định), đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện dự án đầu tư.

Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào Bản đăng ký đầu tư để trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6. Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài có qui mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Nhà đầu tư phải lập hồ sơ đăng ký để cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1. Hồ sơ đăng ký đầu tư gồm:

- a) Bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu qui định);
- b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- c) Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

2. Trường hợp đăng ký đầu tư gắn với việc thành lập doanh nghiệp, ngoài hồ sơ đăng ký đầu tư trên đây, Nhà đầu tư chuẩn bị thêm hồ sơ đăng ký kinh doanh như sau:

- a) Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình doanh nghiệp theo

quy định của pháp luật về doanh nghiệp và theo Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do UBND tỉnh ban hành.

b) Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 7. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Nhà đầu tư phải lập hồ sơ đăng ký để thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Hồ sơ đăng ký thẩm tra gồm:

- a) Hồ sơ đăng ký đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này;
- b) Hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Quy định này (nếu việc đăng ký đầu tư gắn liền với việc thành lập doanh nghiệp);
- c) Văn bản giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Điều 8. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Nhà đầu tư phải lập hồ sơ đăng ký để thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1. Hồ sơ đăng ký thẩm tra gồm:

- a) Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu qui định);
- b) Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: bản sao quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân đối với nhà đầu tư là cá nhân;
- c) Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm);
- d) Giải trình kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường;
- e) Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

2. Trường hợp dự án đầu tư gắn với việc thành lập doanh nghiệp, ngoài hồ sơ đăng ký thẩm tra trên đây, Nhà đầu tư phải nộp kèm theo hồ sơ đăng ký kinh doanh như qui định tại Khoản 2, Điều 6 Quy định này.

Điều 9. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Nhà đầu tư phải lập hồ sơ đăng ký để thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Hồ sơ đăng ký thẩm tra gồm:

- a) Hồ sơ đăng ký đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 Quy định này;
- b) Hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Quy định này (nếu việc đăng ký đầu tư gắn liền với việc thành lập doanh nghiệp);
- c) Văn bản giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Điều 10. Đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước

1. Các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước (vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư của Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước), Nhà đầu tư phải trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cho phép sử dụng phần vốn nhà nước trước khi lập hồ sơ đăng ký đầu tư theo Quy định này.

2. Hồ sơ trình thẩm định dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước theo qui định tại Điều 60 của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

3. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và chấp thuận sử dụng vốn nhà nước để đầu tư, tùy theo từng dự án đầu tư, chủ đầu tư lập thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo Quy định này. Văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với từng nguồn vốn nhà nước là tài liệu bắt buộc phải có trong hồ sơ đăng ký đầu tư.

Điều 11. Thời gian giải quyết hồ sơ

1. Đối với trường hợp đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời với thành lập doanh nghiệp: Tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Đối với trường hợp thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời với thành lập doanh nghiệp: Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Chương III QUY TRÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ, TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Điều 12. Đối với các dự án đầu tư phải có ý kiến chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (các dự án theo quy định tại Điều 37 của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP).

1. Nhà đầu tư nộp 10 bộ hồ sơ dự án đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong đó ít nhất có 1 bộ hồ sơ gốc.

2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ để lấy ý kiến thẩm tra của các bộ, ngành liên quan.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được hỏi có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của dự án thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra để UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về chủ trương đầu tư.

5. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

6. Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

7. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan có liên quan.

Điều 13. Đối với dự án đầu tư thuộc diện đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo qui định tại Điều 5 và Điều 6 Qui định này

1. Nhà đầu tư nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư 05 bộ hồ sơ dự án đầu tư, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc.

2. Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành, địa phương liên quan;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được hỏi có ý kiến tham gia bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của dự án thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các đơn vị liên quan hoặc kể từ ngày hết thời hạn tham gia ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan có liên quan.

Điều 14. Đối với dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo qui định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Qui định này

1. Nhà đầu tư nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư 08 bộ hồ sơ dự án đầu tư, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc.

2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của sở, ngành liên quan; trường hợp cần thiết thì gửi hồ sơ lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được hỏi có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của dự án thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến thẩm tra của các đơn vị có liên quan hoặc kể từ khi hết thời hạn tham gia ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 15. Đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước

1. Qui trình chấp thuận sử dụng vốn Nhà nước:

Tùy theo nguồn vốn Nhà nước có sử dụng trong dự án đầu tư, Nhà đầu tư gửi hồ sơ dự án đến cơ quan có thẩm quyền sau đây để được thẩm định và chấp thuận việc sử dụng vốn Nhà nước trong dự án:

a) Đối với trường hợp dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND tỉnh quản lý:

- Đối với nguồn vốn ngân sách cho đầu tư phát triển: Nhà đầu tư gửi 05 bộ hồ sơ dự án đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan của tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong dự án.

- Đối với nguồn vốn ngân sách cho sự nghiệp: Nhà đầu tư gửi 05 bộ hồ sơ dự án đến Sở Tài chính, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan của tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong dự án.

- Đối với vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng thuộc danh mục được Nhà nước bảo lãnh: Nhà đầu tư gửi 05 bộ hồ sơ dự án đến Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Quảng Ngãi để được thẩm định và quyết định việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Đối với vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước: Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến cấp có thẩm quyền hoặc người có thẩm quyền để được thẩm định và quyết định đối với việc sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

b) Đối với vốn Nhà nước của Tổng Công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước: Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến Tổng Công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước để được thẩm định và quyết định việc sử dụng vốn Nhà nước.

2. Qui trình cấp Giấy chứng nhận đầu tư: Tùy theo từng dự án đầu tư, qui trình xử lý hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đầu tư sẽ được thực hiện theo các qui định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Qui định này.

Chương IV **CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA** **CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN**

Điều 16. Trình tự phối hợp giải quyết hồ sơ

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu, kiểm tra kỹ hồ sơ theo các thủ tục đã quy định. Trường hợp các hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định của pháp luật thì giải thích, hướng dẫn bằng văn bản cho nhà đầu tư để bổ sung theo quy định.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đề nghị nhà đầu tư lựa chọn loại mẫu dấu theo mẫu phiếu có sẵn; ký vào tờ khai đăng ký thuế và nộp lệ phí theo quy định; cập nhật vào sổ theo dõi giải quyết hồ sơ, viết giấy biên nhận hồ sơ và ghi rõ ngày hẹn trả kết quả; đồng thời chuyển cho Văn thư 01 bộ hồ sơ để vào sổ văn thư, trình lãnh đạo sở ngay trong ngày.

Chuyên viên được giao nhiệm vụ xử lý, triển khai nghiên cứu hồ sơ, có thể dự thảo văn bản lấy ý kiến tham gia của các cơ quan chuyên môn, của đơn vị có liên quan cho dự án hoặc tổ chức cuộc họp tư vấn (trong trường hợp cần thiết). Theo dõi, đôn đốc các đơn vị được hỏi ý kiến để tổng hợp các ý kiến tham gia (trong trường hợp có văn bản lấy ý kiến) hoặc căn cứ vào Biên bản cuộc họp tư vấn (nếu có tổ chức họp tư vấn), nghiên cứu hồ sơ dự án và hoàn thành văn bản dự thảo đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong thời gian 12 (mười hai) ngày làm việc (đối với trường hợp đăng ký cấp Giấy chứng nhận); trong thời gian 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc (đối với trường hợp thẩm tra cấp Giấy chứng nhận) và trình lãnh đạo Sở để trình UBND tỉnh. Trong trường hợp không trình cấp Giấy chứng nhận đầu tư cũng dự thảo văn bản trình UBND tỉnh và báo cáo rõ lý do.

Khi hồ sơ đã được chuyển đến Văn phòng UBND tỉnh, Chuyên viên được giao nhiệm vụ xử lý phối hợp với chuyên viên của Văn phòng UBND tỉnh trực tiếp xử lý hồ sơ trình lãnh đạo UBND tỉnh quyết định.

2. Cục Thuế tỉnh:

Đối với các trường hợp đăng ký đầu tư gắn liền với thành lập mới doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp là số Giấy chứng nhận đầu tư và đồng thời là mã số thuế của doanh nghiệp. Do đó, trước khi trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi đến Cục Thuế bản sao Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế và Bản kê khai thông tin đăng ký thuế. Cục Thuế kiểm tra hồ sơ, thực hiện cấp mã số thuế cho doanh nghiệp theo Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được UBND tỉnh ban hành.

Khi nhận được mã số thuế của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo Giấy chứng nhận đầu tư, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp.

3. Văn phòng UBND tỉnh: Khi lãnh đạo UBND tỉnh quyết định cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh chuyển Giấy chứng nhận đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để giao cho nhà đầu tư.

Điều 17. Cơ chế phối hợp với các đơn vị khác

1. Việc trao đổi thông tin phối hợp, chuyển giao hồ sơ tài liệu dự án và tiếp nhận văn bản góp ý kiến giữa Cơ quan đầu mối với UBND tỉnh và giữa Cơ quan đầu mối với các Cơ quan có chức năng chuyên môn của tỉnh, UBND thành phố (trừ UBND các huyện) và ngược lại được thực hiện bằng cách chuyển trực tiếp, có sổ giao nhận tài liệu, không chuyển qua đường Bưu điện để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ dự án.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp phải có ý kiến bằng văn bản về những vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị mình đối với dự án trong thời hạn được UBND tỉnh qui định và gửi về Cơ quan đầu mối. Trong trường hợp hết thời hạn tham gia ý kiến mà cơ quan, đơn vị nào không có ý kiến tham gia bằng văn bản, Cơ quan đầu mối được phép xem như cơ quan, đơn vị đó đã thống nhất với hồ sơ, dự án và cơ quan được hỏi ý kiến phải chịu trách nhiệm về những vấn đề liên quan của dự án trong các lĩnh vực hoặc địa bàn do mình phụ trách (nếu có).

3. Đối với những cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thẩm định và quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định phần vốn Nhà nước trong các dự án đầu tư nêu tại qui định này, phải có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc sử dụng vốn Nhà nước trong dự án để Nhà đầu tư hoàn chỉnh bộ hồ sơ dự án đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 18. Trách nhiệm của Cơ quan đầu mối

1. Cơ quan đầu mối chủ trì, tổ chức phối hợp lấy ý kiến của các bộ, ngành và các cơ quan liên quan của tỉnh để xử lý các vấn đề của dự án đầu tư theo Quy định này; thay mặt UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh xử lý các yêu cầu về thủ tục đầu tư của dự án nhằm đảm bảo tính pháp lý và thời gian trình cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo qui định.

2. Tổng hợp các ý kiến của các bộ, ngành và cơ quan liên quan của tỉnh về hồ sơ dự án, tổ chức cuộc họp tư vấn (trong trường hợp cần thiết), lập báo cáo thẩm tra trình UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng hoặc xem xét, quyết định đối với các dự án đầu tư có yêu cầu trình Thủ tướng Chính phủ.

3. Tiếp nhận các yêu cầu, đề nghị của Nhà đầu tư trong quá trình triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý, trình UBND tỉnh quyết định và trả lời cho Nhà đầu tư.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham gia ý kiến về sự phù hợp của dự án đối với Quy hoạch sử dụng đất, tính hợp lý của diện tích đất sử dụng cho dự án. Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, quản lý tài nguyên và môi trường của các dự án đầu tư có sử dụng đất, sử dụng tài nguyên và các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư theo qui định này.

2. Sở Xây dựng: Tham gia ý kiến về sự phù hợp của dự án đối với Quy hoạch chung, Quy hoạch xây dựng. Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về xây dựng của các dự án đầu tư có công trình xây dựng và dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng liên quan đến hoạt động đầu tư.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến khoa học, công nghệ của các dự án đầu tư có sử dụng thiết bị, công nghệ và dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về về khoa học và công nghệ liên quan đến hoạt động đầu tư.

4. Sở Tài chính: Tham gia ý kiến về sử dụng vốn Nhà nước đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước (vốn sự nghiệp). Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến tài chính, bảo lãnh về tài chính đối với dự án đầu tư (nếu có) và dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Thực hiện và chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính, kế toán, thuế liên quan đến hoạt động đầu tư.

5. Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến hoạt động Thương mại của dự án đầu tư có hoạt động thương mại và dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện; Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về thương mại liên quan đến hoạt động đầu tư.

6. Công an tỉnh: Chỉ đạo hướng dẫn cơ sở khắc dấu tiếp nhận hồ sơ và giải quyết khắc dấu theo đúng thời hạn quy định hiện hành và khi nhận được con dấu do

cơ sở khắc dấu chuyển đến, cơ quan công an có trách nhiệm kiểm tra, đăng ký để tra con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho doanh nghiệp.

7. Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Quảng Ngãi: Thẩm định và quyết định việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trong các dự án đầu tư (nếu có).

8. Các Sở quản lý chuyên ngành, các địa phương có liên quan khác: Các Sở quản lý chuyên ngành, các tổ chức chuyên môn, UBND các huyện, thành phố, thị trấn, xã, phường có liên quan chịu trách nhiệm xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý những vấn đề liên quan đến các Dự án đầu tư theo Qui định này thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý của đơn vị khi có đề nghị của Cơ quan đầu mối.

Điều 20. Trách nhiệm của Nhà đầu tư và xử lý các dự án vi phạm tiến độ

1. Nhà đầu tư phải thực hiện đúng quy định về chế độ báo cáo để làm cơ sở pháp lý cho quá trình xem xét về các đề nghị như: tạm dừng, giãn tiến độ và chấm dứt hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 67, 68 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ. Báo cáo tiến độ thực hiện dự án được gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (đối với dự án có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư) hoặc kể từ ngày nộp đăng ký đầu tư (đối với dự án không có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư).

2. Định kỳ 6 tháng Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện các dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và tham mưu xử lý các dự án không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định thì Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Giấy chứng nhận đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan đầu mối, các Sở quản lý chuyên ngành, các tổ chức chuyên môn, UBND các cấp huyện, thành phố, thị trấn, xã, phường nơi có dự án đầu tư triển khai không được đặt ra các thủ tục, các khoản phí hoặc lệ phí trái với quy định Nhà nước hoặc nêu yêu sách đóng góp kinh phí cho đơn vị, địa phương như là một điều kiện để giải quyết các công việc liên quan đến việc triển khai dự án đối với các Nhà đầu tư.

2. Các cơ quan Nhà nước, các cán bộ được giao nhiệm vụ trực tiếp xử lý những vấn đề có liên quan đến các Dự án đầu tư không thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao, gây ảnh hưởng bất lợi cho các hoạt động đầu tư vào tỉnh, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo qui định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm về những hành vi sai phạm (nếu có) của các cán bộ thuộc quyền quản lý của đơn vị mình trong quá trình tham gia xử lý các vấn đề có liên quan đến các dự án đầu tư theo Quy định này.

Điều 22.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các địa phương có liên quan triển khai Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, UBND các địa phương có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh và đồng gửi Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế